

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2025/DS-ST

Ngày: 31-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 660/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (M)

Địa chỉ trụ sở: NCT, phường LT, quận Đ, thành phố HN.

Địa chỉ liên lạc: NC, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Phương Thị Thanh T, sinh năm: 1992 (vắng mặt); ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992 (vắng mặt); ông Nguyễn Hùng C, sinh năm: 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: NC, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 4601/2024/GUQ-TGD12 ngày 04 tháng 6 năm 2024).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp X, xã VLB, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2024, các bản tự khai Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H do ông Nguyễn Hùng C là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng TMCP H và bà Trần Thị Huyền T có ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

- Ngày 29/07/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Huyền T đã ký kết Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là: 120.000.000 đồng, mục đích vay là chi tiêu cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ là 36 tháng, lãi suất trong hạn là: 28%/năm (bà Trang sử dụng thẻ Visa travel), lãi suất quá hạn là 145% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Trần Thị Huyền T đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền lãi 11.000.000 đồng. Từ ngày 26/11/2023 bà Trần Thị Huyền T vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 120.000.000 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là 40,6%/năm. Tính đến ngày 31/03/2025, bà Trần Thị Huyền T còn nợ Ngân hàng số tiền là: 224.646.814 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm mười bốn đồng) trong đó: Nợ gốc: 120.000.000 đồng, lãi trong hạn: 100.285.041 đồng, lãi quá hạn: 4.361.773 đồng.

- Ngày 30/12/2021 Ngân hàng TMCP H và bà Trần Thị Huyền T đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 với số tiền vay là: 299.000.000 đồng, mục đích vay là: phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 20/12/2021 đến ngày 20/12/2022), lãi suất cho vay trong hạn là 18%/năm, lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Huyền T đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 52.770.011 đồng, trong đó: nợ gốc 5.515.852 đồng, nợ lãi 47.254.159 đồng. Từ ngày 21/12/2022 bà Trần Thị Huyền T vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng

đã ký kết. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 293.484.148 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là 27%/năm. Tính đến ngày 31/03/2025, bà Trần Thị Huyền T còn nợ Ngân hàng với số tiền là: 479.252.279 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc: 293.484.148 đồng; nợ lãi: 4.860.515 đồng; lãi quá hạn: 180.907.616 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng của bà Trần Thị Huyền T đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu:

- Bà Trần Thị Huyền T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi vay theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/07/2020 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 ngày 30/12/2021. Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/03/2025, với số tiền là: 703.899.093 đồng (Bảy trăm lẻ ba triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, không trăm chín mươi ba đồng).

- Kể từ ngày 01/04/2025, bà Trần Thị Huyền T phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận quy định tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng M ngày 29/07/2020 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 ngày 30/12/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

- Bị đơn bà Trần Thị Huyền T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Phần phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP H yêu cầu bà Trần Thị Huyền T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi vay theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 29/07/2020 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 ngày 30/12/2021. Mục đích vay tiền là: tiêu dùng cá nhân. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Trần Thị Huyền T vẫn tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản vay theo Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 29/07/2020:

Ngày 29/7/2020 Ngân hàng và bà Huyền Trang đã ký kết Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 29/07/2020 với hạn mức thẻ là 120.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân. Loại thẻ bà Trang đăng ký sử dụng là thẻ Visa Travel. Theo chứng cứ bảng sao kê giao dịch mà Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình sử dụng thẻ bà Trang đã thực hiện nhiều giao dịch thông qua thẻ tín dụng. Từ ngày 26/11/2023 bà Trần Thị Huyền T vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 120.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/03/2025, bà Trần Thị Huyền T còn nợ Ngân hàng số tiền là: 224.646.814 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm mười bốn đồng) trong đó: nợ gốc: 120.000.000 đồng, lãi trong hạn: 100.285.041 đồng, lãi quá hạn: 4.361.773 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trang phải trả số tiền vốn và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 31/3/2025 với số tiền là: 224.646.814 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm mười bốn đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 ngày 30/12/2021:

Ngày 30/12/2021 Ngân hàng TMCP H và bà Trần Thị Huyền T đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 với phương thức cho vay là vay theo hạn mức thấu chi. Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức thấu chi cho bà Trang là: 299.000.000 đồng, mục đích vay là: phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 20/12/2021 đến ngày 20/12/2022), lãi suất cho vay trong hạn là 18%/năm, lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn.

Theo bảng sao kê tính lãi thấu chi do Ngân hàng cung cấp thì từ ngày 30/12/2021 bà Trang bắt đầu thực hiện giao dịch đối với hạn mức thấu chi mà Ngân hàng cấp cho bà Trang. Trong quá trình thực hiện giao dịch thì bà Trang mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng nợ gốc 5.515.852 đồng, nợ lãi 47.254.159 đồng. Từ ngày 21/12/2022 bà Trần Thị Huyền T vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 293.484.148 đồng sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trang phải thanh toán số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 31/03/2025 với số tiền là: 479.252.279 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc: 293.484.148 đồng; nợ lãi: 4.860.515 đồng; Lãi quá hạn: 180.907.616 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, buộc bà Trần Thị Huyền T phải trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền tạm tính đến ngày 31/03/2025 là: 703.899.093 đồng (Bảy trăm lẻ ba triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, không trăm chín mươi ba đồng), trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 ngày 30/12/2021 với số tiền nợ gốc: 293.484.148 đồng; lãi trong hạn: 4.860.515 đồng; lãi quá hạn: 180.907.616 đồng. Tổng cộng là: 479.252.279 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng).

+ Đối với khoản nợ thẻ theo Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/7/2020: Nợ gốc là: 120.000.000 đồng, lãi trong hạn: 100.285.041 đồng, lãi quá hạn: 4.361.773 đồng. Tổng cộng là: 224.646.814 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm mười bốn đồng).

- Thời hạn thanh toán: kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Huyền T phải nộp án phí trên số tiền trả cho Ngân hàng là: 20.000.000 đồng + 4% (703.899.093 đồng – 400.000.000 đồng) = 32.155.963 đồng.

- Ngân hàng không phải nộp án phí, trả lại số tiền tạm ứng án phí là: 13.733.444 đồng cho Ngân hàng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005745 ngày 18/7/2024.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H.

1. Buộc bà Trần Thị Huyền T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 31/03/2025 là: 703.899.093 đồng (Bảy trăm lẻ ba triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, không trăm chín mươi ba đồng), trong đó:

+ Khoản vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05273/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2346264 ngày 30/12/2021 với số tiền nợ gốc: 293.484.148 đồng; lãi trong hạn: 4.860.515 đồng; lãi quá hạn: 180.907.616 đồng. Tổng cộng là: 479.252.279 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng).

+ Khoản nợ thẻ theo Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/7/2020: nợ gốc là: 120.000.000 đồng, lãi trong hạn: 100.285.041 đồng, lãi quá hạn: 4.361.773 đồng. Tổng cộng là: 224.646.814 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm mười bốn đồng).

- Thời hạn thanh toán: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Huyền T phải nộp án phí là: 32.155.963đ (Ba mươi hai triệu, một trăm năm mươi lăm ngàn, chín trăm sáu mươi ba đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 13.733.444đ (Mười ba triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005745 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.



Lại Phước Trường